

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/DS-PT

Ngày: 20/5/2022

*“V/v tranh chấp đòi lại tài sản
là quyền sử dụng đất”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Viết Nam.

Các Thẩm phán: Ông Trần Việt Trung;

Bà Đoàn Thị Kim Thương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Trung Thành - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 29/2021/TLPT-DS ngày 11 tháng 11 năm 2021 về việc *“Tranh chấp đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất”*. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2021/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng bị kháng cáo; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 30/2021/QĐ-PT ngày 03 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu C, bà Trần Thị Th; Đều trú tại: Khu phố N, phường M, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Hữu C, bà Trần Thị Th: Ông Nguyễn Hữu Nh, sinh năm 1957; trú tại: Khu phố C, phường d, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị là người đại diện theo ủy quyền (Hợp đồng ủy quyền lập ngày 06/10/2021), có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông C, bà Th: Luật sư Võ Sỹ C – Văn phòng Luật sư Võ Sỹ C; địa chỉ: Số 149 đường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

2. Bị đơn: Ông Ngô Hồng S, bà Trương Thị S; Đều trú tại: Thôn Ph, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Nguyễn Thị Ái V, chị Nguyễn Thị Phương Th (Con ông C, bà Th); đều trú tại: Khu phố N, phường M, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

4. Người làm chứng:

- Ông Trương Q, sinh năm 1963; trú tại: Đội T, thôn Phú H, xã Hải Ph, huyện H, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

- Ông Văn Ngọc U, sinh năm 1959; trú tại: Đội T, thôn Phú H, xã Hải Ph, huyện H, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

- Ông Trương Minh T, sinh năm 1974; trú tại: Đội T, thôn Phú H, xã Hải Ph, huyện H, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

- Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1946; trú tại: Đội T, thôn Phú H, xã Hải Ph, huyện H, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

5. Vụ án được đưa ra xét xử phúc thẩm do có kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu C, bà Trần Thị Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/3/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Hữu C và bà Trần Thị Th trình bày:

Bố đẻ ông C là cụ Nguyễn L (chết năm 1965) và mẹ đẻ ông C là cụ Nguyễn Thị D (chết năm 1997) có ngôi nhà gắn liền với đất ở khu vực đồi An Lạc, thôn Phú Hưng, xã Hải Phú, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị. Trước năm 1975 thì gia đình ông ở trên mảnh đất này, nhưng từ năm 1975 gia đình ông không ở trên thửa đất này, nhưng gia đình ông vẫn tiếp tục sử dụng để trồng hoa màu. Đến năm 2006, thực hiện chủ trương đa dạng hóa nông nghiệp, nông thôn đo đạc để cấp GCNQSD đất thì thửa đất nói trên được thể hiện tại bản đồ địa chính xã Hải Phú, thuộc thửa đất số 250, tờ bản đồ số 19, diện tích 4.432 m² mang tên hộ ông Nguyễn Hữu C. Năm 1996 vợ chồng ông Ngô Hồng S và bà Trương Thị S mượn lại một phần diện tích khoảng 1920 m² để trồng hoa màu, sau đó chuyển qua trồng cây lâm nghiệp. Năm 2017 gia đình ông đã nhiều lần yêu cầu ông S và bà S trả lại phần diện tích đã cho mượn nhưng ông S và bà S không trả. Gia đình ông đã gửi đơn đến UBND xã Hải Phú để yêu cầu giải quyết. UBND xã Hải Phú đã hòa giải, nhưng các bên không thỏa thuận được, nên ông C, bà Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Ngô Hồng S, bà Trương Thị S trả lại 1920 m² đất trong tổng diện tích đất 4.432 m² thuộc thửa đất số 250, tờ bản đồ số 19, phần còn thừa ra theo đo đạc, thẩm định thực tế thì trả lại cho nhà nước.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Ngô Hồng S, bà Trương Thị S trình bày:

Thửa đất số 250, tờ bản đồ số 19 thuộc UBND xã Hải Phú đã bỏ hoang từ năm 1972. Năm 1995 ông S, bà S đến xin ông C, bà Th để trồng hoa màu. Trong quá trình trồng hoa màu thì ông S, bà S có khai hoang thêm một số diện tích đất. Sau khi ông C, bà Th khởi kiện thì thửa đất đã được đo đạc, thẩm định tại chỗ và diện tích thực tế lớn hơn diện tích tại sổ mục kê năm 2006 là 1.030 m². Như vậy, phần đất thừa ra là 1.030 m² này là phần khai hoang nên ông S, bà S được hưởng. Ngoài ra, trong diện tích 4.432m² được đăng ký trong sổ mục kê thì ông C, bà Th phải cắt cho ông S, bà S thêm 1.000 m² vì đây cũng là phần đất do vợ chồng ông S khai hoang mà có. Đồng thời, ông S, bà S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Hữu C phải bồi thường thiệt hại vì ông C đã chặt cây và phá hàng rào thép gai của ông S, bà S trồng trên diện tích các bên đang tranh chấp với số tiền là 102.911.000 đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Ái V, chị Nguyễn Thị Phương Th (con gái ông C, bà Th) cùng trình bày:

Chị V và chị Th có cùng ý kiến và thống nhất như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông C, bà Th.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2021/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng đã quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 203 Luật đất đai; khoản 7 Điều 4 Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT; Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; khoản 3 Điều 26, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 271, Điều 273 BLTTDS; khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UNBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu C và bà Trần Thị Th về việc yêu cầu ông Ngô Hồng S và bà Trương Thị S trả lại 1920 m² là một phần diện tích trong thửa đất số 250, thuộc tờ bản đồ số 19 thuộc xã Hải Phú, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị.

Về án phí: Ông Nguyễn Hữu C và bà Trần Thị Thiện phải chịu 300.000 đồng án phí DSST nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu án phí số 0002310 ngày 19/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hải Lăng. Ông C, bà Th đã nộp đủ án phí.

Về chi phí tố tụng:

Ông Nguyễn Hữu C, bà Trần Thị Th phải chịu 8.500.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Ông Nguyễn Hữu C, bà Trần Thị Th đã nộp đủ chi phí tố tụng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo đối với các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, tại đơn kháng cáo ngày 04/10/2021 và đơn kháng cáo bổ sung ngày 15/10/2021 nguyên đơn ông Nguyễn Hữu C, bà Trần Thị Th kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do: Bản án sơ thẩm đã không C cứ nguồn gốc sử dụng đất của nguyên đơn dẫn đến áp dụng không đúng các quy định của pháp luật,

làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích chính đáng của nguyên đơn về quyền sử dụng đất.

Vì vậy, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn sửa bản án sơ thẩm buộc bị đơn ông Ngô Hồng S, bà Trương Thị S trả lại diện tích đất 1.920 m² cho nguyên đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông C, bà Th: Luật sư Võ Sỹ C đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu C và bà Trần Thị Th; sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn ông Ngô Hồng S và bà Trương Thị S trả lại 1920 m² là một phần diện tích trong thửa đất số 250, thuộc tờ bản đồ số 19 thuộc xã Hải Phú, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị cho nguyên đơn ông Nguyễn Hữu C và bà Trần Thị Thiện.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm và quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc chấp hành thủ tục tố tụng: Thẩm phán, HĐXX, Thư ký cấp phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý phúc thẩm vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án; Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu C, bà Trần Thị Th, giữ nguyên bản án sơ thẩm. nguyên đơn ông Nguyễn Hữu C, bà Trần Thị Th phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền:

Nguyên đơn ông Nguyễn Hữu C, bà Trần Thị Th khởi kiện yêu cầu ông Ngô Hồng S, bà Trương Thị S phải trả lại diện tích 1.920m² đất mà ông C, bà Th đã cho vợ chồng ông S mượn để canh tác. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án là đúng quy định của pháp luật.

[1.2] Thời hạn kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Hữu C, bà Trần Thị Th kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên chấp nhận để xem xét kháng cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu C, bà Trần Thị Th, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Thửa đất số 250, tờ bản đồ số 19, địa chỉ thửa đất tại Đội T, thôn Phú H, xã Hải Ph, huyện H có nguồn gốc trước đây do bố, mẹ ông Nguyễn Hữu C canh tác, sử dụng. Tuy nhiên, sau năm 1972 thì thửa đất này bỏ hoang không có ai canh tác. Đến năm 1995 gia ông S, bà S đến khai hoang để trồng cây tràm, sau đó trồng hoa màu cho đến nay.

Tại biên bản xác minh ngày 21/9/2021 của Tòa án cấp sơ thẩm và Công văn số 108/BC-UBND ngày 22/9/2021 của UBND xã Hải Phú có nội dung: Từ năm 1976 đến nay, trên diện tích các bên đang tranh chấp không có ai làm nhà và sinh sống trên đó. Theo sổ mục kê năm 2000 thì diện tích các bên đang tranh chấp là một phần của thửa đất số 498, tờ bản đồ số 08, có diện tích là 168.540m², loại đất rừng sản xuất và đất này do UBND xã Hải Phú quản lý. Đến năm 2006, thực hiện đa dạng hóa nông nghiệp, nông thôn về việc cấp, đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì diện tích các bên đang tranh chấp nằm trong một phần diện tích 4432m² thuộc thửa đất số 250, tờ bản đồ số 19 và được quy chủ cho hộ ông Nguyễn Hữu C. Trên một phần thửa đất còn có phần mộ gia tộc của ông Nguyễn Hữu C.

Tại phiên tòa phúc thẩm, vợ chồng ông S, bà S có thừa nhận việc xin đất để trồng cây từ bố mẹ ông C, nhưng không lập văn bản do thỏa thuận bằng miệng, nhưng không có nội dung mượn đất như nguyên đơn trình bày.

Tuy nhiên, việc quy chủ theo sổ mục kê vào năm 2006 mang tên hộ ông C, nhưng thực tế trên đất thì ông S, bà S đã sử dụng liên tục từ năm 1995 cho đến nay. Đến thời điểm hiện tại cả hai bên đều chưa được cấp GCNQSD đất, do đó thửa đất nói trên hiện do UBND xã Hải Phú quản lý.

Như vậy, sổ mục kê lập trước ngày 15/10/1993 mới được xem là có giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất. Trong khi đó, ông C, bà Th mới chỉ thực hiện việc đăng ký vào sổ mục kê từ năm 2006. Theo kết quả thẩm định thì thửa đất số 250, tờ bản đồ số 19 đã quy chủ cho hộ ông C có diện tích đất là 4.432 m², diện tích đất tranh chấp là 1.920 m² và không có 1.030 m² phần vượt quá như bị đơn trình bày và Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định.

Đồng thời, căn cứ lời khai của những người làm chứng ông Trương T, ông Văn Ngọc U, ông Trương Q và ông Nguyễn Văn L thì từ năm 1996 đến nay, diện tích đất tranh chấp là do gia đình ông S, bà S trực tiếp sử dụng, canh tác. Năm 2006, đơn vị thực hiện đo đạc, lập sổ mục kê không hỏi ý kiến ông S, bà S mà chỉ căn cứ lời khai của ông C, bà Th là chưa đủ căn cứ pháp lý. Do ông C, bà Th không trực tiếp sử dụng, không được giao quản lý nên từ trước đến nay không phải nộp bất cứ một loại thuế, phí gì có liên quan. Đến thời điểm này, ông Nguyễn Hữu C và bà Trần Thị Th không có bất kỳ giấy tờ pháp lý gì thể hiện thửa đất số 250, tờ bản đồ số 19 xã Hải Phú, huyện Hải Lăng là của ông C, bà Th. Thửa đất này hiện đang

thuộc quyền quản lý của UBND xã Hải Phú nên không có căn cứ khẳng định quyền sử dụng của ông C, bà Th. Mặc dù quá trình giải quyết, UBND xã Hải Phú đều có quan điểm gia đình ông S, bà S cần trả lại đất cho ông C.

Đối với việc ông Ngô Hồng S và bà Trương Thị S yêu cầu ông C phải bồi thường 102.911.000 đồng trong việc ông C chặt cây và phá hàng rào thép gai, yêu cầu này được đưa ra sau khi Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này là có cơ sở. Trường hợp ông S, bà S tiếp tục yêu cầu thì Tòa án sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu ông Ngô Hồng S và bà Trương Thị S trả lại 1920 m² là một phần diện tích trong thửa đất số 250, thuộc tờ bản đồ số 19 thuộc xã Hải Phú, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị là có căn cứ.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu C, bà Trần Thị Th, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về chi phí tố tụng: Vì yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của ông Nguyễn Hữu C, bà Trần Thị Th không được chấp nhận, nên ông Nguyễn Hữu C, bà Trần Thị Th phải chịu 8.500.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tại giai đoạn sơ thẩm và 2.826.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tại giai đoạn phúc thẩm. Ông Nguyễn Hữu C và bà Trần Thị Th đã nộp đủ chi phí tố tụng.

[4] Về án phí:

- Ông Nguyễn Hữu C, bà Trần Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Những phần của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu C, bà Trần Thị Th, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 2 Điều 203 Luật đất đai; khoản 7 Điều 4 Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT; Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 148; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu C và bà Trần Thị Th về việc yêu cầu ông Ngô Hồng S và bà Trương Thị S trả lại 1920 m² là một phần diện tích trong thửa đất số 250, thuộc tờ bản đồ số 19 thuộc xã Hải Phú, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị.

2. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Hữu C, bà Trần Thị Th phải chịu 8.500.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tại giai đoạn sơ thẩm và 2.826.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tại giai đoạn phúc thẩm. Ông Nguyễn Hữu C, bà Trần Thị Th đã nộp đủ chi phí tố tụng.

3. Về án phí:

Ông Nguyễn Hữu C và bà Trần Thị Thiện phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu án phí, lệ phí Tòa án số 0002310 ngày 19/3/2021 và 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí DSPT theo biên lai thu án phí, lệ phí Tòa án số 0000014 ngày 22/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Lăng. Ông C, bà Th đã nộp đủ án phí.

Những phần của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- TAND huyện Hải Lăng;
- Chi cục THADS h. Hải Lăng;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV;
- Tổ HCTP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Đinh Viết Nam